TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/11/2025
Về việc:"Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan.

2. Bà Nguyễn Thị Minh Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2025/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về *việc:"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân Kh, sinh ngày: 28/02/1974; Căn cước công dân số: 030074012182 do Bộ Công an cấp ngày: 08/06/2025; Địa chỉ: thôn ThK, xã ChM, thành phố Hải Phòng. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh ngày: 21/01/1980; Căn cước công dân số: 030180004680; Địa chỉ: thôn ThK, xã ChM, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Xuân Kh trình bày: Anh và chị Bùi Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ATh, huyện TK, tỉnh Hải Dương *(nay là Ủy ban nhân dân xã ChM, thành phố Hải Phòng)*

vào ngày 06/02/1998 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ anh Kh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng từ tính cách, lối sống và làm ăn, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Chị T hay xúc phạm anh. Đến năm 2007, anh đi lao động nước ngoài đến tháng 5 năm 2025 thì về nước. Vợ chồng ly thân gần 10 năm nay. Hai bên gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, vợ chồng chấm dứt mọi liên lạc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T để ổn định cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Bùi Thị T thông qua mẹ đẻ chị là bà Phạm Thị G. Bà G xác định: chị T không có nhà, đi làm ăn xa nên bà nhận thay và đã thông báo lại các văn bản của Tòa án cho chị T đầy đủ nhưng do chị T bận công việc nên không thể có mặt tại Tòa án được, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị, chị nhất trí ly hôn với anh Kh. Về con chung, anh chị có hai con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo bà G trình bày, chị T và anh Kh kết hôn với nhau vào năm 1998, được đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ATh, huyện TK *(nay là Ủy ban nhân dân xã ChM, thành phố Hải Phòng).* Trong Giấy chứng nhận kết hôn ghi Bùi Thị T, sinh năm: 1978 và Căn cước công dân của chị Bùi Thị T, sinh ngày: 21/01/1980 là một người và là con đẻ của bà. Nay, bà xác định chị Bùi Thị T, sinh ngày: 21/01/1980 là đúng và đề nghị Tòa án ghi ngày tháng năm sinh của chị T trong các văn bản của Tòa án là ngày 21/01/1980. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình anh Kh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2007 anh Kh đi nước ngoài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không thống nhất trong cuộc sống, vợ chồng xa nhau nên tình cảm lạnh nhạt, hay cãi vã mỗi lần gọi điện về, anh Kh không quan tâm đến chị T. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ, động viên nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Do vợ chồng xa cách, chị T đi làm ăn xa nhưng thường xuyên về thăm gia đình. Gia đình bà không rõ địa chỉ chị T ở đâu, gia đình có hỏi nhưng chị T không cho bà biết địa chỉ của chị ở đâu. Chị T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú với bà tại địa chỉ này, chị vẫn thường xuyên gọi điện cho bà, vẫn thường xuyên liên lạc với bà hàng ngày. Từ ngày anh Kh đi nước ngoài cho đến nay, anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa và chấm dứt mối quan hệ vợ chồng. Nay, anh Kh xin ly hôn chị T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, vợ chồng anh Kh, chị T có hai con chung, hiện đã trưởng thành nên anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà nhất trí. Về tài sản chung, về các khoản nợ chung, anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà nhất trí.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Phạm Xuân Kh là bố đẻ của anh Kh trình

bày: Anh Phạm Xuân Kh và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã ATh, huyện TK, tỉnh Hải Dương *(nay là Ủy ban nhân dân xã ChM, thành phố Hải Phòng).* Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình ông. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2007 anh Kh làm thủ tục đi nước ngoài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xảy ra cãi vã. Vợ chồng xa nhau nhiều thời gian nên tình cảm vợ chồng nhạt dần, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn, khắc phục được và không còn hạnh phúc. Trước khi làm đơn xin ly hôn, anh Kh nói chuyện với ông và gia đình về mâu thuẫn vợ chồng, mong muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. Nay, anh Kh xin ly hôn chị T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh chị có hai con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Về tài sản chung, nợ chung thì anh chị không có.

Về quan hệ con chung: Anh Kh và gia đình hai bên trình bày, vợ chồng anh chị có hai con chung là Phạm Xuân V, sinh ngày: 13/7/1999 và Phạm Xuân H, sinh ngày: 25/07/2001, hiện đều trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã ChM, thành phố Hải Phòng thể hiện: Anh Kh và chị T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ATh, huyện TK *(nay là Ủy ban nhân dân xã ChM, thành phố Hải Phòng)* vào năm 1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà bố mẹ anh Kh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2007 anh Kh đi lao động nước ngoài thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Từ ngày anh Kh đi lao động nước ngoài thì chị T cũng đi làm ăn xa ở đâu địa phương không nắm được, thỉnh thoảng, chị vẫn về nhà và vẫn đăng ký hộ khẩu tại địa phương. Nay, anh Kh xin ly hôn chị T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh chị có hai con chung đã trưởng thành như anh Kh trình bày. Về tài sản chung, nợ chung, địa phương không có ý kiến gì.

Tại Công văn số: 3411/XNC-Đ1 ngày 28/10/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng cung cấp: Qua kiểm tra trong CSDL hiện hành không thấy thông tin xuất nhập cảnh của chị Bùi Thị T.

Anh Kh có đơn xin vắng mặt tại phiên toà và giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết vụ án như anh đã trình bày với Tòa án, ngoài ra, anh không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết

vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: xử cho anh Phạm Xuân Kh được ly hôn chị Bùi Thị T; về quan hệ con chung: hai con chung là Phạm Xuân V, sinh ngày: 13/7/1999 và Phạm Xuân H, sinh ngày: 25/07/2001, hiện đã trưởng thành nên anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, không đặt ra giải quyết. Về án phí: buộc anh Phạm Xuân Kh phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng. Anh Kh đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 17/11/2025; tại phiên tòa, chị T vắng mặt, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn vắng mặt, anh Kh có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Kh, chị T theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Phạm Xuân Kh và chị Bùi Thị T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương *(nay là Ủy ban nhân dân xã Chí Minh, thành phố Hải Phòng)* vào ngày 06/02/1998 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh, chị hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng từ lối sống, làm ăn, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị T hay xúc phạm anh. Đến năm 2007, anh đi lao động nước ngoài đến tháng 5 năm 2025 về nước. Vợ chồng ly thân gần 10 năm nay, đã chấm dứt mọi liên lạc, vợ chồng xa nhau nên tình cảm lạnh nhạt. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Hiện nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập chị T nhiều lần qua mẹ đẻ chị, chị đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện chị không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của anh Kh và chị T đã

đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh Kh xin ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về quan hệ con chung: anh chị có hai con chung là Phạm Xuân V, sinh ngày: 13/7/1999 và Phạm Xuân H, sinh ngày: 25/07/2001, hiện các con chung đều đã trưởng thành nên anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, không phải giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: anh Khương không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Xuân Kh xin ly hôn chị Bùi Thị T nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: xử cho anh Phạm Xuân Kh được ly hôn chị Bùi Thị T.

2. Về quan hệ con chung: anh chị có hai con chung là Phạm Xuân V, sinh ngày: 13/7/1999 và Phạm Xuân H, sinh ngày: 25/07/2001, hiện các con chung đã trưởng thành, anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, không phải giải quyết.

3. Về án phí: Anh Phạm Xuân Kh phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Kh đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E số: 0002830 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Xuân Kh đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Kh, chị T. Anh Kh, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 11 - Hải Phòng;
- Phòng THADS Khu vực 11 - Hải Phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- UBND xã ChM để lưu hộ tịch (Kết hôn ngày 06/02/1998 tại UBND xã ATh, huyện TK, tỉnh Hải Dương);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Đinh Thị Thúy Hạnh